

Số: 14/2024/QĐST-HNGĐ

K, ngày 08 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K

Căn cứ vào các Điều 212, 213, khoản 2 Điều 149, Điều 361, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 16/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2024, về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1/ Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Hoàng Thị Lưu L, sinh năm: 2000

Nơi đăng ký HKTT: thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh H.

Quê quán, trú tại: thị tứ B, xã H1, huyện K, tỉnh H.

- Anh Nguyễn Hữu V, sinh năm: 1997

Nơi đăng ký HKTT, trú tại: thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh H.

2/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Nguyễn Thảo V1, sinh ngày 17/9/2019

- Cháu Nguyễn Khả N, sinh ngày 04/3/2023

Người đại diện theo pháp luật của cháu V và cháu N: Chị Hoàng Thị Lưu L và anh Nguyễn Hữu V (bố, mẹ của hai cháu)

Nơi đăng ký HKTT: thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Lưu L và anh Nguyễn Hữu V kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh H ngày 18/12/2018. Quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trở nên trầm trọng, hai bên đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2023 đến nay và không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay cả hai bên cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, thể hiện đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị L và anh V cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung là phù hợp với các quy định của pháp luật. Do vậy, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị L và anh V.

[2] Về con chung: Chị L và anh V có 02 con chung là cháu Nguyễn Thảo V1, sinh ngày 17/9/2019 và cháu Nguyễn Khả N, sinh ngày 04/3/2023. Hiện tại cả hai cháu đang ở với chị L. Hai bên thỏa thuận, chị L tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cho chị L, mỗi tháng là 3.000.000đ (ba triệu đồng)/một cháu, kể từ ngày 15/4/2024 cho đến khi cháu V1, cháu N đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức và ruộng canh tác: Chị L và anh V đều không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[4] Về lệ phí: Chị L và anh V thỏa thuận để chị L chịu toàn bộ và nộp theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị Lưu L và anh Nguyễn Hữu V.

- **Về con chung:** Chị L và anh V thống nhất để chị L trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Nguyễn Thảo V1, sinh ngày 17/9/2019 và cháu Nguyễn Khả N, sinh ngày 04/3/2023. Anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cho chị L, mỗi tháng là 3.000.000đ (ba triệu đồng)/một cháu, kể từ ngày 15/4/2024 cho đến khi cháu V1, cháu N đủ 18 tuổi. Anh V được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản; chị L và anh V có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- **Về các vấn đề khác:** Tài sản chung, công nợ chung, ruộng đất 03, công sức đối với gia đình hai bên nội, ngoại đều không có, không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị L tự nguyện nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí việc dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001187 ngày 22/3/2024. Chị L đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu, Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà người phải thi hành án không thi hành thì người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7,9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện K;*
- *UBND xã Đ;*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc T